TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 720/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Sao

Ông Nguyễn Văn Tiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1132/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà N, sinh năm 1977; địa chỉ: Đường M, phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

-*Bị đơn:* Ông D, sinh năm 1974; địa chỉ: Đường P, phường Q, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà N trình bày: Bà và ông D tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng về việc chi tiêu, cách đối xử với hai bên gia đình nội ngoại, quan điểm nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con. Vợ chồng thường xuyên cãi vã khiến cuộc sống của bà mệt mỏi, suy sụp về tinh thần nhưng không những không có được sự động viên, chia sẻ từ chồng mà còn bị bạo hành về tinh thần. Nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài nên bà đã đưa hai con về nhà mẹ ruột sinh sống từ 2013 và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Thời

gian sống ly thân, D cũng không quan tâm đến vợ con, không chu cấp để nuôi dưỡng, giáo dục con. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và D có hai con chung là H, sinh ngày xx/8/2002 và N, sinh ngày xx/7/2009. Bà có công việc, thu nhập ổn định và đã chăm sóc tốt cho hai con từ khi ly thân nên yêu cầu được tiếp tục là người trực tiếp nuôi con khi ly hôn. Việc cấp dưỡng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà N xác định vợ chồng không có tài sản chung hay nợ chung. Do đó, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông D đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong buổi làm việc tại Tòa án ngày 15/5/2018, hai trẻ H và N đều có nguyện vọng ở với mẹ.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được vì D đã được Tòa án thông báo, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ hai lần liên tiếp mà vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/6/2018, bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với ông D; theo kết quả xác minh ngày 08/12/2017 của Công an phường Q, quận Tân Phú thì bị đơn đang cư trú tại quận Tân Phú. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn Số 04/2002, Quyển số 01/P17 đăng ký ngày 03/01/2002 tại Ủy ban

nhân dân Phường 17, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và D là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn: Căn cứ vào lời khai của bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng bà N và D phát sinh mâu thuẫn đã lâu nhưng không thể hàn gắn được; giữa hai người có sự khác nhau về quan điểm sống dẫn đến việc không thể trao đổi, chia sẻ khó khăn, buồn vui trong cuộc sống và không tìm thấy có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Mặt khác, ông bà sống ly thân từ năm 2013, giữa hai người đã không còn đời sống chung của vợ chồng và mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Bị đơn là D vắng mặt khi được triệu tập làm việc, hòa giải tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy D thể hiện thái độ bỏ mặc kết quả giải quyết của Tòa án, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những lý do vừa nêu, xét thấy tình trạng hôn nhân của bà N và D đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Bà N xác định vợ chồng có hai con chung là H, sinh ngày 04/8/2002 và N, sinh ngày 27/7/2009. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và D không có ý kiến với yêu cầu này; bà N có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được là người trực tiếp nuôi hai con chung của bà N. Việc cấp dưỡng cho con chung tự thỏa thuận; bà N không có yêu cầu D cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản: Bà N xác định không có tài sản chung hay nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do nguyên đơn là bà N chịu.

[8] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227 và Điều 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông D.

2. Về con chung: Bà N và D có hai con chung là H, sinh ngày xx/8/2002 và N, sinh ngày xx/7/2009. Giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung do bà N và D tự thỏa thuận.

D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Bà N xác định không có tài sản chung hay nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà N chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010170 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà N, ông D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- UBND P.Q, Q.Tân Phú, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thế Đông